TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Kim Lên**

2. Bà **Nguyễn Huỳnh Hưỡng**

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 763/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mỹ Đ**, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Minh H**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mỹ Đ** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nay, nguyên đơn nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung Lưu Thảo N, sinh ngày 12/5/2006 (giới tính: Nữ). Hiện cháu đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

- Đối với bị đơn: Anh **Lưu Minh H**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, còn Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với Nguyên đơn và Bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", do Bị đơn có nơi cư trú tại ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 66/2024/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 25/12/2024, cho thấy chị Đ và anh H đã được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết tại số 94/2015 ngày 05/8/2015.

Như vậy về mặt hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo chị Đ xác định: Quá trình chung sống, giữa chị và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện để được ly hôn với anh H.

Đối với anh H vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi gì trước yêu cầu ly hôn của chị Đ. Cho thấy, bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn và nay chị Đ kiên quyết ly hôn với anh H.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có

nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Đ và anh H có 01 người con chung Lưu Thảo N, sinh ngày 12/5/2006 (giới tính: Nữ). Như vậy tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/3/2025 thì cháu N đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không đặt ra giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ: Chị Đ không có yêu cầu giải quyết, còn anh H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ Đ.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Lưu Minh H.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: chị Huỳnh Thị Mỹ Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị Đ đã dự nộp tại Biên lai thu 0005067 ngày 25/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang